

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm khoản 1 Điều 2 như sau:

1. Cơ sở giáo dục mầm non ở nơi có nhiều lao động: là cơ sở giáo dục mầm non đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật thuộc địa bàn cấp xã nơi có khu công nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp hoặc nơi có nhiều lao động được xác định bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em là con người lao động làm việc tại khu công nghiệp hoặc nơi có nhiều lao động.

1a. Cơ sở giáo dục mầm non thuộc Bộ Quốc phòng: Là cơ sở giáo dục mầm non được Bộ Quốc phòng cấp phép thành lập theo quy định của pháp luật."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 4 như sau:

"a) Kinh phí hỗ trợ nhân viên nấu ăn được tính trên số lượng trẻ em được ăn bán trú, tối thiểu bằng 3.900.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở

lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non (trường chính, phân hiệu) được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực ở nơi có nhiều lao động

1. Điều kiện hưởng chính sách

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực ở nơi có nhiều lao động đã được cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có từ 30% trẻ em là con người lao động làm việc tại khu công nghiệp hoặc nơi có nhiều lao động.

2. Nội dung chính sách

Cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ tối thiểu là 20 (hai mươi) triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

3. Phương thức thực hiện

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định địa bàn cấp xã nơi có nhiều lao động theo quy định của pháp luật làm căn cứ thực hiện chính sách.

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách, tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi cơ quan tài chính cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp/ủy quyền để tổng hợp, tham mưu bố trí trong dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí đúng quy định.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Nội dung chính sách

Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa là 360.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Trẻ em thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa quy định tại Nghị định này đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất của các chính sách”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“3. Các bước thực hiện

a) Vào đầu năm học, Ủy ban nhân dân cấp xã khai thác thông tin để xác định trẻ em đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về hộ tịch, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và lập danh sách, thông báo công khai tại cơ sở giáo dục mầm non trong vòng 15 ngày.

b) Hết thời hạn thông báo, cơ sở giáo dục mầm non bổ sung đối tượng (nếu có) và hoàn thiện danh sách trẻ mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Sau khi nhận được danh sách trẻ em được hưởng hỗ trợ ăn trưa của cơ sở giáo dục mầm non, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, phê duyệt danh sách trẻ em, tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi cơ quan tài chính cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền để tổng hợp, tham mưu bố trí trong dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

d) Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa, cơ sở giáo dục mầm non thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chi hỗ trợ.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“4. Phương thức chi trả

a) Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần vào cuối mỗi học kỳ trong năm học, thực hiện thông qua hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển khoản hoặc hình thức chuyển tiền hợp pháp khác (nếu có) cho cha mẹ trẻ em.

b) Trường hợp cha mẹ trẻ em chưa nhận được kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo thời hạn quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

c) Trường hợp trẻ em chuyển trường, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm chuyển dữ liệu về đối tượng, thời gian, số kinh phí đã hưởng tới cơ sở giáo dục

mầm non nơi trẻ em chuyển đến để tiếp tục thực hiện chi trả hỗ trợ ăn trưa theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

d) Trường hợp trẻ em thôi học, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã dừng thực hiện chi trả chính sách.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con người lao động làm việc tại khu công nghiệp hoặc nơi có nhiều lao động

1. Đối tượng hưởng chính sách

Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp là người lao động đang làm việc tại khu công nghiệp hoặc nơi có nhiều lao động được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

2. Nội dung chính sách

Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định để áp dụng tại địa phương.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đầu năm học, cơ sở giáo dục mầm non tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi và hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em (sau đây gọi tắt là cha mẹ trẻ em) thuộc đối tượng được hưởng chính sách làm đơn đề nghị trợ cấp (theo mẫu quy định tại mẫu số 3 Phụ lục kèm theo Nghị định này) kèm theo số định danh cá nhân của trẻ em; Giấy xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha mẹ trẻ em đang làm việc hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Giấy xác nhận hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được sử dụng dưới hình thức bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định của pháp luật.

b) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở giáo dục mầm non thông báo, cha mẹ trẻ em nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở giáo dục mầm non hoặc qua bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được các thông tin trên từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về hộ tịch, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành/Bảo hiểm xã hội thì cha mẹ trẻ em không phải nộp các hồ sơ nêu trên.

c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ, Cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm rà soát, đối chiếu thông tin, lập danh sách trẻ em được hưởng chính sách trợ cấp trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định, phê duyệt danh sách trẻ em được hưởng chính sách trợ cấp, tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi cơ quan tài chính cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền để tổng hợp, tham mưu bố trí trong dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

đ) Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách trẻ em được hưởng chính sách trợ cấp, cơ sở giáo dục mầm non thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chi hỗ trợ.

4. Phương thức chi trả

a) Cơ sở giáo dục mầm non chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí và thực hiện việc chi trả.

b) Việc chi trả kinh phí trợ cấp được thực hiện 2 lần vào cuối mỗi học kỳ trong năm học, thực hiện thông qua hình thức trả tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản hoặc hình thức chuyển tiền hợp pháp khác (nếu có) cho cha mẹ trẻ em.

c) Trường hợp trẻ em chưa nhận được kinh phí trợ cấp theo thời hạn quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

d) Trường hợp trẻ em chuyển trường, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm chuyển dữ liệu về đối tượng, thời gian, số kinh phí đã hưởng tới cơ sở giáo dục mầm non nơi trẻ em chuyển đến để tiếp tục thực hiện chi trả chính sách trợ cấp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

đ) Trường hợp trẻ em thôi học, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã dừng thực hiện chi trả chính sách.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục

1. Đối tượng hưởng chính sách

Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định bảo đảm những điều kiện sau:

a) Trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con người lao động được hưởng chính sách theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định;

c) Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục.

2. Nội dung chính sách

Giáo viên mầm non bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tối thiểu 800.000 đồng/tháng.

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định để áp dụng tại địa phương.

3. Trình tự thực hiện

a) Đầu năm học, căn cứ số lượng trẻ em được hưởng trợ cấp quy định tại Điều 8 Nghị định này, người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục lập danh sách giáo viên đủ điều kiện được hưởng chính sách gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt danh sách giáo viên được hưởng chính sách, tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi cơ quan tài chính cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp/ủy quyền để tổng hợp, tham mưu bố trí trong dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

d) Trường hợp giáo viên nghỉ việc, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã dừng thực hiện chi trả chính sách.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 12 như sau:

“a) Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành; ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách tại khoản 1, khoản 3 Điều 1 Nghị định này và Điều 9 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng cho từng thời kỳ.

Cơ sở giáo dục mầm non thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện theo thẩm quyền quy định của Bộ Quốc phòng.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Bộ Tài chính: Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.”

8. Thay thế, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung như sau:

1. Thay thế cụm từ “Phòng giáo dục và đào tạo” bằng cụm từ “Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục” tại điểm b khoản 3 Điều 4, Điều 9, Điều 11 và mẫu số 02 Phụ lục Nghị định; Thay thế mẫu số 03 quy định tại Phụ lục Nghị định.

2. Bổ sung cụm từ “Cơ sở giáo dục mầm non thuộc Bộ Quốc phòng” sau cụm từ “cơ sở giáo dục mầm non công lập” tại khoản 2 Điều 4 và khoản 1 Điều 9.

3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 13.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có cơ sở dữ liệu quy định tại Nghị định này có trách nhiệm bảo đảm việc kết nối, chia sẻ, khai thác theo đúng quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chính sách quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này thực hiện từ năm học 2026 - 2027.

2. Đối với chính sách quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định này:

a) Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng nếu nội dung phù hợp với quy định của Nghị định này.

b) Trường hợp Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nội dung chưa phù hợp với quy định của Nghị định này thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Trong thời gian Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chưa sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Nghị quyết theo điểm a khoản 2 Điều này, chính sách được tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Tiến Châu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con người lao động

Kính gửi: Cơ sở giáo dục mầm non (1)

Họ và tên..... (2):

Số định danh:

Đang công tác tại..... (3)

Là cha/mẹ/người giám hộ hợp pháp của..... (4)

Số định danh của trẻ:

Sinh ngày:..... Hiện đang học tại..... (5)

Thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số/2026/NĐ-CP.

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con người lao động theo quy định hiện hành./.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Tên đầy đủ của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục nơi trẻ mầm non đang theo học

(2) Cha/mẹ/người giám hộ hợp pháp của trẻ em là người lao động đang làm việc tại khu công nghiệp hoặc nơi có nhiều lao động được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

(3) Tên đơn vị (doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp hoặc nơi có nhiều lao động) nơi trực tiếp quản lý cha/mẹ/người giám hộ hợp pháp của trẻ em

(4) Họ và tên trẻ.

(5) Ghi rõ tên nhóm/lớp và cơ sở giáo dục mầm non trẻ đang học (1).